TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 14 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phan Thị Hiền.

***Thư ký phiên họp*:** ông Phạm Anh Ly - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 23/2024/TLST-VLĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 03/2024/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1983; địa chỉ: 2 đường L, khu phố E, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH L2; địa chỉ: 4 đường số F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: bà Trương Thị L, là người đại diện theo pháp luật, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Chị Lê Thị T1, sinh năm: 1993; địa chỉ: tổ dân phố V, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, trung tâm Hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Hoàng Thị T trình bày: từ tháng 03/2009 đến tháng 12/2022, chị T làm việc tại Công ty TNHH H (HSV), địa chỉ: lô A, 116, 124, 125, một phần lô số 117,126 đường số F, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409164124. Nay chị T liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin rút sổ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của chị T bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên chị T có cho chị Lê Thị Tuyết m thông tin cá nhân của chị T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH L2. Trước khi chị Lê Thị T1 (sử dụng thông tin của chị T) giao kết Hợp đồng lao động với công ty TNHH L2 thì tháng 3/2009, chị T đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H (HSV).

Do đó, chị T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2010, đây là thời gian chị Lê Thị Tuyết m hồ sơ lao động của chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị T1 và Công ty TNHH L2 từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010 là vô hiệu

- Bà Trương Thị Thúy L1 là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C trình bày: Việc chị T1 mượn hồ sơ của chị T để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của chị T hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH L2 không biết chị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty từ thời gian nào và thời gian bao lâu. Lỗi dẫn đến việc bị đơn ký kết hợp đồng với chị T (nhưng chị T1 mới là người thực tế làm việc tại Công ty TNHH L2) là do chị T và chị T1. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L2 cho người lao động thì Công ty TNHH L2 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Hoàng Thị T, sinh ngày 05/03/1993, số CMND 172168325 (CCCD 038183034988), với mã số BHXH 7409212271 từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2010 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Hoàng Thị T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Hoàng Thị T phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn để đóng Bảo hiểm xã hội nên tháng 07/2009 chị T1 có mượn thông tin cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH L2, địa chỉ: D - E đường số F, khu phố B, phường A, thành phố

D, tỉnh Bình Dương. Chị T1 làm việc tại Công ty TNHH L2 từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2010. Tuy nhiên, trước khi chị T1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 thì bà T cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H (HSV), địa chỉ: l6 A, 116, 124, 125, một phần lô số 117, A đường số F, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Do đó, khi bà Hoàng Thị T liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương xin rút hồ sơ bảo hiểm xã hội thì nhận được thông báo là thông tin bảo hiểm bị trùng. Nay chị T1 đồng ý với toàn bộ yêu cầu bà Hoàng Thị T. Chị T1 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hoàng Thị T, tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động (từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2010) giữa bà Hoàng Thị T và Công ty TNHH L2.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T, chị T1, Bảo hiểm xã Hội thành phố D, Công ty TNHH L2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 1/2010, người lao động tên Hoàng Thị T, sinh ngày 05/3/1983, số chứng minh nhân dân 183712461 được Công ty TNHH L2 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409164124. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH L2 và ông Hoàng Thị T phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 7/2009. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị T và bà Lê Thị T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 07/2009 đến tháng 01/2010 theo hợp đồng lao động là bà Lê Thị T1 chứ không phải bà Hoàng Thị T do bà T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T1 trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH L2. Mục đích mượn giấy tờ là để bà T1 có việc làm do thời gian này bà T1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà T và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010 bà Hoàng Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH L2 và Công ty TNHH H. Xét thấy việc bà T1 lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình

đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Hoàng Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010 giữa bà Hoàng Thị T (do bà Lê Thị Tuyết m tên) với Công ty TNHH L2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Hoàng Thị T bị trùng từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH L2 với bà T (do bà T1 sử dụng thông tin của bà T để ký) từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010 có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Hoàng Thị T phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Hoàng Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1983, địa chỉ: 2 đường L, khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (do bà Lê Thị T1 ký kết) với Công ty TNHH L2 từ tháng 7/2009 đến tháng 01/2010 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004432 ngày 21/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ

ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNHỌP

Phan Thị Hiền